

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH ĐỊNH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: **670** /UBND-TH

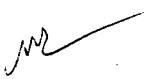
Bình Định, ngày **23** tháng 02 năm 2017

V/v thay thế phụ lục Danh sách loài
kèm theo Quyết định số 229/QĐ-
UBND ngày 24/01/2017 của Chủ tịch
UBND tỉnh.

Kính gửi:

- Sở Nông nghiệp và PTNT;
- Sở Kế hoạch và Đầu tư;
- Sở Tài nguyên và Môi trường;
- Sở Khoa học và Công nghệ;
- Công ty CP ĐT và PT vườn thú Faros.

Do sơ xuất của cơ quan tham mưu nên tại phụ lục đã ban hành kèm theo Quyết định số 229/QĐ-UBND ngày 24/01/2017 của Chủ tịch UBND tỉnh có sai sót. Nay UBND tỉnh gửi phụ lục để thay thế phụ lục đã ban hành nêu trên.

Thừa lệnh Chủ tịch UBND tỉnh thông báo để Thủ trưởng các cơ quan liên quan biết, triển khai thực hiện./. 

Nơi nhận:

- Như trên;
- CVP, PVP NN;
- Lưu: VT, K13 (9b).

TL. CHỦ TỊCH
KT. CHÁNH VĂN PHÒNG
KT. CHÁNH VĂN PHÒNG



Nguyễn Đức Thi



ĐỐI TƯỢNG ĐƯỢC BẢO TỒN TẠI CƠ SỞ BẢO TỒN ĐA DẠNG SINH HỌC

(Kèm theo Quyết định số 229/QĐ-UBND ngày 24/01/2017 của Chủ tịch UBND tỉnh)

I. Loại thuộc Danh mục loài nguy cấp, quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ, trong đó gồm các loài sau:

Tt	Tên loài		Số lượng cá thể đề nghị nuôi, trồng tại cơ sở					Nguồn gốc từ tự nhiên (TN), gây nuôi (GN) hoặc nhập khẩu (NK)	Diện tích nuôi (m2)	Ghi chú
	Tên thông thường	Tên Khoa học	Cá thể đực	Cá thể cái	Cá thể non	Cá thể già	Cá thể trưởng thành			
1	Gấu chó	<i>Helarctos malayanus</i>	2	4	0	0	0	GN, NK	1500	2017
2	Gấu ngựa	<i>Ursus thibetanus</i>	2	4	0	0	0	GN, NK	1500	2017
3	Rái cá vuốt bé	<i>Aonyx cinerea</i>	3	5	0	0	0	GN, NK	500	2017
4	Voọc bạc đông dương	<i>Trachypithecus villosus</i>	3	5	0	0	0	GN, NK	200	2017
5	Vượn đen má hung	<i>Nomascus gabriellae</i>	2	2	0	0	0	GN, NK	200	2017
6	Báo hoa mai	<i>Panthera pardus</i>	1	1	0	0	0	GN, NK	1000	2017
7	Cây mực	<i>Arctictis binturong</i>	2	4	0	0	0	GN, NK	200	2017
8	Cổ rắn	<i>Anhinga melanogaster</i>	5	5	0	0	0	GN, NK	10000	2017
9	Công xanh	<i>Pavo muticus</i>	5	5				GN, NK	10000	2017
10	Gà lôi tia	<i>Tragopan temminckii</i>	3	5	0	0	0	GN, NK	10000	2017
11	Hổ	<i>Panthera tigris</i>	4	6	0	0	0	GN, NK	1000	2017
12	Hồng hoàng	<i>Buceros bicornis</i>	1	1	0	0	0	GN, NK	10000	2017
13	Quắm lớn	<i>Pseudibis gigantea</i>	5	5	0	0	0	GN, NK	10000	2017
14	Vạc hoa	<i>Gorsachius magnificus</i>	5	5	0	0	0	GN, NK	10000	2017
15	Voọc chà vá chân đen	<i>Pygathrix nigripes</i>	2	2	0	0	0	GN, NK	3000	2017
16	Bồ nông chân xám	<i>Pelecanus philippensis</i>	4	4	0	0	0	GN, NK	10000	2018
17	Cò mỏ thìa	<i>Platalea minor</i>	4	6	0	0	0	GN, NK	10000	2018
18	Gà tiền mặt đỏ	<i>Polyplectron germaini</i>	2	4	0	0	0	GN, NK	10000	2018
19	Già đầy nhỏ	<i>Leptoptilos javanicus</i>	2	4	0	0	0	GN, NK	10000	2018
20	Hạc cổ trắng	<i>Ciconia episcopus</i>	5	5	0	0	0	GN, NK	10000	2018
21	Ngan cánh trắng	<i>Cairina scutulata</i>	2	2	0	0	0	GN, NK	10000	2018
22	Ô tác	<i>Houbaropsis bengalensis</i>	2	2	0	0	0	GN, NK	10000	2018
23	Voọc chà vá chân đỏ	<i>Pygathrix nemaeus</i>	2	2	0	0	0	GN, NK	3000	2018
24	Voọc chà vá chân xám	<i>Pygathrix cinerea</i>	2	2	0	0	0	GN, NK	3000	2018
25	Niệc mỏ vằn	<i>Aceros undulatus</i>	2	2	0	0	0	GN, NK	10000	2019
26	Quắm cánh	<i>Pseudibis davisoni</i>	5	5	0	0	0	GN, NK	10000	2019

	xanh									
27	Rắn hổ chúa	<i>Ophiophagus hannah</i>	2	2	0	0	0	GN, NK	200	2019
28	Rùa hộp ba vạch	<i>Cuora trifasciata</i>	4	6	0	0	0	GN, NK	100	2019
29	Rùa hộp trán vàng miền bắc	<i>Cuora galbinifrons</i>	4	6	0	0	0	GN, NK	100	2019
30	Báo gấm	<i>Neofelis nebulosa</i>	1	1	0	0	0	GN, NK	500	2020
31	Báo lửa	<i>Catopuma temminckii</i>	2	2	0	0	0	GN, NK	500	2020
32	Đồi mồi	<i>Eretmochelys imbricata</i>	2	2	0	0	0	GN, NK	100	2020
33	Đồi mồi dứa	<i>Lepidochelys olivacea</i>	2	2	0	0	0	GN, NK	100	2020
34	Gà tiền mặt vàng	<i>Polyplectron bicalcaratum</i>	2	4	0	0	0	GN, NK	1000	2020
35	Mèo cá	<i>Prionailurus viverrinus</i>	2	2	0	0	0	GN, NK	100	2020
36	Mèo gấm	<i>Pardofelis marmorata</i>	2	2	0	0	0	GN, NK	100	2020
37	Rái cá lông mũi	<i>Lutra sumatrana</i>	2	3	0	0	0	GN, NK	500	2020
38	Rái cá lông mượt	<i>Lutrogale perspicillata</i>	2	3	0	0	0	GN, NK	500	2020
39	Rái cá thường	<i>Lutra lutra</i>	2	3	0	0	0	GN, NK	500	2020
40	Rùa biển đầu to	<i>Caretta caretta</i>	2	2	0	0	0	GN, NK	100	2020
41	Rùa trung bộ	<i>Mauremys annamensis</i>	4	6	0	0	0	GN, NK	100	2020
42	Sếu đầu đỏ	<i>Grus antigone</i>	2	4	0	0	0	GN, NK	10000	2020
43	Vích	<i>Chelonia mydas</i>	2	2	0	0	0	GN, NK	100	2020
44	Voọc cát bà	<i>Trachypithecus poliocephalus</i>	2	2	0	0	0	GN, NK	3000	2020
45	Voọc đen hà tĩnh	<i>Trachypithecus hatinhensis</i>	2	2	0	0	0	GN, NK	3000	2020
46	Voọc đen má trắng	<i>Trachypithecus francoisi</i>	2	2	0	0	0	GN, NK	3000	2020
47	Voọc mõng trắng	<i>Trachypithecus delacouri</i>	2	2	0	0	0	GN, NK	3000	2020
48	Voọc mũi hếch	<i>Rhinopithecus avunculus</i>	2	2	0	0	0	GN, NK	3000	2020
49	Voọc xám	<i>Trachypithecus (phayrei) barbei</i>	2	2	0	0	0	GN, NK	3000	2020
50	Vượn đen má trắng	<i>Nomascus leucogenys</i>	2	2	0	0	0	GN, NK	3000	2020
51	Vượn đen tuyến đông bắc	<i>Nomascus nasutus</i>	2	2	0	0	0	GN, NK	3000	2020
52	Vượn đen tuyến tây bắc	<i>Nomascus concolor</i>	2	2	0	0	0	GN, NK	3000	2020
53	Hươu vàng	<i>Axis porcinus</i>	2	3	0	0	0	GN, NK	2000	2017
54	Mang lớn	<i>Muntiacus vuquangensis</i>	2	3	0	0	0	GN, NK	2000	2017
55	Nai cà tong	<i>Rucervus eldii</i>	4	6	0	0	0	GN, NK	2000	2017
56	Gà lôi lam mào trắng	<i>Lophura edwardsi</i>	3	5	0	0	0	GN, NK	2000	2018
57	Hươu xạ	<i>Moschus berezovskii</i>	2	3	0	0	0	GN, NK	2000	2018
58	Niệc nâu	<i>Anorhynchus tickelli</i>	2	2	0	0	0	GN, NK	10000	2018
59	Niệc cổ hung	<i>Aceros nipalensis</i>	2	2	0	0	0	GN, NK	10000	2019
60	Bò tót	<i>Bos gaurus</i>	2	4	0	0	0	GN, NK	3000	2020

102

61	Gà so cổ hung	<i>Arborophila davidi</i>	3	5	0	0	0	GN, NK	10000	2020
62	Mang trường son	<i>Muntiacus truongsonensis</i>	2	3	0	0	0	GN, NK	2000	2020
63	Rùa da	<i>Dermochelys coriacea</i>	2	2	0	0	0	GN, NK	100	2020
64	Voi châu Á	<i>Elephas maximus</i>	1	3	0	0	0	GN, NK	20000	2020

II. Loài không thuộc Danh mục loài nguy cấp, quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ, trong đó gồm các loài sau:

Tt	Tên loài		Số lượng cá thể đề nghị nuôi, trồng tại cơ sở					Nguồn gốc từ tự nhiên (TN), gây nuôi (GN) hoặc nhập khẩu (NK)	Diện tích nuôi (m2)	Ghi chú
	Tên thông thường	Tên Khoa học	Cá thể đực	Cá thể cái	Cá thể non	Cá thể già	Cá thể trưởng thành			
1	Cá sấu nước mặn (Cá sấu hoa cà)	<i>Crocodylus rhombifer</i>	5	5	0	0	0	GN, NK	1000	2017
2	Cá sấu nước ngọt VN	<i>Crocodylus siamensis</i>	10	10	0	0	0	GN, NK	1500	2017
3	Cao cát	<i>Buceros bicornis</i>	5	5	0	0	0	GN, NK	10000	2017
4	Cây hương	<i>Verricula indica</i>	5	5	0	0	0	GN, NK	1000	2017
5	Chồn bạc má	<i>Melogale personata</i>	5	5	0	0	0	GN, NK	1000	2017
6	Cò lạo	<i>Mycteria leucocephala</i>	20	20	0	0	0	GN, NK	10000	2017
7	Cò ngàng	<i>Ardea alba</i>	20	20	0	0	0	GN, NK	10000	2017
8	Công Ấn	<i>Pavo cristatus</i>	3	5	0	0	0	GN, NK	10000	2017
9	Đà điểu châu phi	<i>Struthio camelus</i>	50	50	0	0	0	GN, NK	1000	2017
10	Đà điểu châu úc	<i>Dromaius novaehollandiae</i>	50	50	0	0	0	GN, NK	1000	2017
11	Diệc lửa	<i>Ardea purpurea</i>	1	1	0	0	0	GN, NK	10000	2017
12	Don	<i>Atherurus macrourus</i>	10	10	0	0	0	GN, NK	1000	2017
13	Heo rừng(lợn rừng)	<i>Sus scrofa</i>	10	10	0	0	0	GN, NK	1000	2017
14	Hoẵng	<i>Muntiacus muntjak</i>	3	7	0	0	0	GN, NK	2000	2017
15	Ngỗng thiên nga	<i>Anser cygnoides</i>	5	5	0	0	0	GN, NK	10000	2017
16	Nhím	<i>Hystrix brachyurus</i>	10	10	0	0	0	GN, NK	1000	2017
17	Nhông (Yểng)	<i>Gracula religiosa</i>	20	20	0	0	0	GN, NK	1000	2017
18	Sáo đuôi cò	<i>Urocissa erythrorhyncha</i>	20	20	0	0	0	GN, NK	1000	2017
19	Thiên nga đen	<i>Cygnus atratus</i>	10	10	0	0	0	GN, NK	10000	2017
20	Thiên nga trắng	<i>Cygnus olor</i>	10	10	0	0	0	GN, NK	10000	2017
21	Vẹt má vàng	<i>Agapornis reseicollis</i>	50	50	0	0	0	GN, NK	1000	2017

22	Vẹt mỏ đỏ	<i>Agapornis personata</i>	50	50	0	0	0	GN, NK	1000	2017
23	Rùa khổng lồ	<i>Aldabrachelys gigantea</i>	2	2	0	0	0	GN, NK	2000	2017
24	Cò lạo	<i>Mycteria ibis</i>	20	10	0	0	0	GN, NK	10000	2017
25	Cò mỏ thìa trắng	<i>Platalea alba</i>	15	15	0	0	0	GN, NK	10000	2017
26	Cò quăm châu phi	<i>Threskicornis aethiopicus</i>	20	20	0	0	0	GN, NK	10000	2017
27	Cò quăm đỏ	<i>Pseudibis papillosa</i>	10	10	0	0	0	GN, NK	10000	2017
28	Cốc đế	<i>Phalacrocorax carbo</i>	10	10	0	0	0	GN, NK	10000	2017
29	Hồng hạc lớn	<i>Phoenicopterus ruber</i>	15	15	0	0	0	GN, NK	10000	2017
30	Hươu	<i>Hyelaphus porcinus</i>	3	7	0	0	0	GN, NK	2000	2017
31	Hươu sao	<i>Cervus nippon</i>	5	10	0	0	0	GN, NK	2000	2017
32	Khi râu trắng	<i>Cercopithecus neglectus</i>	2	4	0	0	0	GN, NK	500	2017
33	Linh dương đầu bò xanh	<i>Connochaetes taurinus</i>	3	7	0	0	0	GN, NK	2000	2017
34	Linh miêu	<i>Caracal caraca</i>	1	1	0	0	0	GN, NK	500	2017
35	Mèo đồng châu phi	<i>Leptailurus serval</i>	1	1	0	0	0	GN, NK	500	2017
36	Nai	<i>Rusa unicolor</i>	4	16	0	0	0	GN, NK	2000	2017
37	Ngựa vằn	<i>Equus zebra</i>	6	14	0	0	0	GN, NK	2000	2017
38	Rùa đất lớn	<i>Heosemys grandis</i>	3	3	0	0	0	GN, NK	1000	2017
39	Rùa núi vàng	<i>Indotestudo elongata</i>	3	3	0	0	0	GN, NK	1000	2017
40	Sư tử	<i>Panther leo</i>	2	4	0	0	0	GN, NK	1000	2017
41	Vẹt xanh	<i>Psittacula krameri</i>	10	10	0	0	0	GN, NK	10000	2017
42	Vẹt xanh cổ đỏ	<i>Psittacula eupatria</i>	10	10	0	0	0	GN, NK	10000	2017
43	Vẹt xanh đầu đỏ	<i>Psittacula cyanocephala</i>	10	10	0	0	0	GN, NK	10000	2017
44	Hà mã	<i>Hippopotamus amphibius</i>	1	2	0	0	0	GN, NK	3000	2018
45	Hươu cao cổ	<i>Giraffa camelopardis</i>	3	5	0	0	0	GN, NK	3000	2018
46	Khi chó mặt xanh	<i>Mandrillus sphinx</i>	5	5	0	0	0	GN, NK	1000	2018
47	Khi đầu chó	<i>Papio hamadryas</i>	4	10	0	0	0	GN, NK	1000	2018
48	Khi đầu chó Chacma	<i>Papio ursinus</i>	5	5	0	0	0	GN, NK	1000	2018
49	Khi mặt trắng	<i>Colobus guereza</i>	2	4	0	0	0	GN, NK	1000	2018
50	Linh dương đầu bò đen	<i>Connochaetes gnou</i>	3	7	0	0	0	GN, NK	3000	2018
51	Rùa núi vàng	<i>Indotestudo elongata</i>	4	6	0	0	0	GN, NK	100	2018
52	Rùa rặng	<i>Heosemys annandalii</i>	3	3	0	0	0	GN, NK	100	2018
53	Tê giác trắng	<i>Ceratotherium simum</i>	2	4	0	0	0	GN, NK	3000	2018
54	Báo Cheeta	<i>Acinonyx jubatus</i>	1	1	0	0	0	GN, NK	3000	2019
55	Hà mã lùn	<i>Choeropsis liberiensis</i>	2	4	0	0	0	GN, NK	3000	2019
56	khỉ mặt đen	<i>Chlorocebus pygerythrus</i>	2	2	0	0	0	GN, NK	1000	2019
57	Khỉ sư tử	<i>Macaca silenus</i>	3	7	0	0	0	GN, NK	1000	2019

58	Khi xanh	<i>Cercopithecus mitis</i>	2	2	0	0	0	GN, NK	1000	2019
59	Linh dương	<i>Oryx dammah</i>	6	14	0	0	0	GN, NK	3000	2019
60	Linh dương đông phi	<i>Taurotragus oryx</i>	2	4	0	0	0	GN, NK	3000	2019
61	Linh dương Kobus	<i>Kobus ellipsiprymnus</i>	4	6	0	0	0	GN, NK	3000	2019
62	Linh dương Nyala	<i>Tragelaphus angasii</i>	4	6	0	0	0	GN, NK	3000	2019
63	Linh dương sừng cao	<i>Aepyceros melampus</i>	4	6	0	0	0	GN, NK	3000	2019
64	Linh dương sừng kiếm	<i>Oryx gazella</i>	2	4	0	0	0	GN, NK	3000	2019
65	Linh dương sừng thẳng Ả Rập (thuần chủng)	<i>Oryx leucoryx</i>	6	14	0	0	0	GN, NK	3000	2019
66	Linh dương sừng xoắn	<i>Tragelaphus strepsiceros</i>	2	4	0	0	0	GN, NK	3000	2019
67	Linh dương Thompson	<i>Eudorcas thomsonii</i>	4	6	0	0	0	GN, NK	3000	2019
68	Linh dương vằn	<i>Tragelaphus eurycerus</i>	3	9	0	0	0	GN, NK	3000	2019
69	Rùa đất Sêpôn	<i>Cyclemys tcheponensis</i>	4	6	0	0	0	GN, NK	100	2019
70	Vượn cáo đuôi khoang	<i>Lemur catta</i>	4	6	0	0	0	GN, NK	1000	2019
71	Vượn cáo trắng đen	<i>Varecia variegata</i>	2	2	0	0	0	GN, NK	1000	2019
72	Linh dương nhảy	<i>Antidorcas marsupialis</i>	4	6	0	0	0	GN, NK	5000	2020
73	Linh dương sừng adat châu Phi	<i>Addax nasomaculatus</i>	2	4	0	0	0	GN, NK	3000	2020